

KÝ VIẾT VỀ CHIẾN TRANH VÀ NGƯỜI LÍNH TRONG VĂN XUÔI VIỆT NAM SAU 1975

Đinh Trí Dũng¹, Hoàng Văn Thanh²

TÓM TẮT

Trong bức tranh văn xuôi Việt Nam sau 1975, ký nói chung, ký viết về đề tài chiến tranh nói riêng có nhiều thành tựu nổi bật, góp phần tích cực vào sự vận động đổi mới của đời sống văn học. Ký được xem như thể loại “xung kích” của văn xuôi, hấp dẫn bởi tính thời sự, bám sát hiện thực đời sống, có khả năng bộc lộ trực tiếp cảm xúc, suy tư của người viết. Bài báo đi sâu khẳng định, làm rõ thành tựu, những đóng góp và những đặc sắc nổi bật của mảng ký viết về chiến tranh và người lính trong văn xuôi Việt Nam sau 1975.

Từ khóa: Ký, chiến tranh, người lính, văn xuôi sau 1975.

DOI: <https://doi.org/10.70117/hdujs.77.06.2025.758>

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bức tranh văn xuôi Việt Nam sau 1975, ký nói chung, ký viết về đề tài chiến tranh nói riêng có nhiều thành tựu nổi bật, góp phần tích cực vào sự vận động đổi mới của đời sống văn học. Ký (với nhiều tiểu loại phong phú như phóng sự, ký sự, tạp văn, tản văn, hồi ký, du ký, nhật ký...) được xem như thể loại “xung kích” của văn xuôi, hấp dẫn bạn đọc bởi tính thời sự, bám sát hiện thực đời sống, có khả năng bộc lộ trực tiếp cảm xúc, suy tư của người viết... Riêng mảng ký viết về chiến tranh vừa đa dạng, phong phú, vừa thể hiện nhiều sự đổi mới trong cách tiếp cận hiện thực và bút pháp thể hiện, được công chúng nhiệt tình đón nhận. Ký về chiến tranh và người lính là sự phản ánh, thể hiện trung thực của những người trong cuộc về hiện thực khốc liệt, dữ dội của chiến tranh, về những mất mát, hy sinh to lớn của người lính, về vẻ đẹp cao cả, chân dung tinh thần tuyệt đẹp của cả một thế hệ thanh niên sẵn sàng dâng hiến tất cả cho Tổ quốc, và cả những bi kịch cá nhân, những suy tư sâu sắc về thân phận con người, số phận dân tộc trong những thời điểm gay cấn của lịch sử.

2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

2.1. Những đóng góp của ký viết về chiến tranh và người lính trong văn xuôi Việt Nam sau 1975

2.1.1. Bức tranh đa dạng, phong phú của ký viết về chiến tranh và người lính

Văn xuôi sau 1975, bên cạnh việc tiếp cận và thể hiện cuộc sống muôn màu muôn vẻ của thời bình, vẫn không thôi nhìn lại và trăn trở về những cuộc chiến tranh đã đi qua.

¹ Trường Đại học Vinh; Email: tridungdhv@gmail.com

² Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Hà Tĩnh

Có thể nói chiến tranh không còn là đề tài số một như trước đây nhưng vẫn là dòng chảy âm thầm, mạnh mẽ, trong đó có nhiều tên tuổi nổi tiếng từng bước ra từ cuộc chiến. Về tiểu thuyết có thể kể: Bảo Ninh (*Nỗi buồn chiến tranh*), Dương Hương (*Bến không chồng*), Chu Lai (*Ấn mào dĩ vãng, Ba lần và một lần*), Trung Trung Đĩnh (*Lạc rừng, Lính trận*), Văn Lê (*Mùa hè giá buốt*), Trần Văn Tuấn (*Rừng thiêng nước trong*), Phạm Ngọc Tiến (*Tàn đèn đóm đỏ*), Khuất Quang Thụy (*Đổi chiến, Đỉnh cao hoang vắng*), Sương Nguyệt Minh (*Miền hoang*), Nguyễn Bình Phương (*Mình và họ*), Trần Mai Hạnh (*Biên bản chiến tranh 1-2-3-4.75*)... Về truyện ngắn có thể kể đến các tác giả: Nguyễn Minh Châu, Thái Bá Lợi, Lê Minh Khuê, Bảo Ninh, Võ Thị Hảo, Phạm Ngọc Tiến, Trung Trung Đĩnh... Trong bức tranh văn xuôi sau 1975 viết về chiến tranh, ký có những đóng góp và thành tựu không nhỏ.

Nhìn trên phương diện thể loại, mảng ký viết về chiến tranh trong văn xuôi sau 1975 có đủ các thể/tiểu loại đa dạng, phản ánh được nhiều góc nhìn, nhiều mảng hiện thực của chiến tranh và số phận con người, số phận người lính. Trước hết là các tác phẩm phóng sự, ký sự, bút ký. Giai đoạn từ 1975 đến 1985 được xem là sự tiếp nối “quán tính sử thi” trong văn xuôi. Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước vẫn để lại những dư âm hào hùng trong các ký sự xuất hiện sau 1975: *Tháng Ba ở Tây Nguyên* (Nguyễn Khải), *Bắc Hải Vân xuân 1975* (Xuân Thiều), *Xuân Lộc - Sài Gòn* (Nam Hà), *Nhật ký chiến dịch* (Nguyễn Thành Vân - Nguyễn Trọng Oánh), *Ký sự miền đất lửa* (Nguyễn Sinh - Vũ Kỳ Lân)... Gây được nhiều dấu ấn hơn cả là *Ký sự miền đất lửa* (Nxb Tác phẩm mới, HN, 1978 - tặng thưởng về văn xuôi 1978 của Hội Nhà văn Việt Nam) của hai tác giả từng sống ở tuyến lửa Vĩnh Linh trong những năm chiến tranh chống Mỹ ác liệt. Tác phẩm phản ánh những đau thương, tang tóc của một mảnh đất hẹp không quá 20 km, từng chịu mỗi người dân bình quân 7 tấn bom đạn.

Từ 1986 đến nay, phóng sự, ký sự, bút ký viết về chiến tranh và người lính vẫn có bước phát triển mới, dù các tác phẩm xuất sắc, gây tiếng vang không phải là nhiều. Trong sự đa dạng về đề tài, phóng sự, ký sự viết về các cuộc chiến tranh vệ quốc vẫn như một món nợ phải trả. Có thể nhắc đến các tác phẩm nổi bật như *Có một con đường mòn trên biển Đông* của Nguyên Ngọc, *Huyền thoại tàu không số*, *Tìm gặp những chiến sĩ “đoàn tàu không số”* của Đinh Kinh, *Về lại Mỹ Á* của Đỗ Viết Nghiệm, *Bến Vũng Rô* của Tô Phương, *Tiếng bìm bịp bên thành cổ Quảng Trị* của Nguyễn Bắc Sơn... Cùng với một số thể loại khác, viết về biên giới, biển đảo, viết về Hoàng Sa, Trường Sa - nơi kẻ thù vẫn đang rình rập, dòm ngó và nơi quân dân ta đang ra sức cảnh giác, bảo vệ từng tấc đất chủ quyền của Tổ quốc - cũng là mối quan tâm thường trực của nhiều cây bút phóng sự, bút ký (*Gần lắm Trường Sa* của Nguyễn Tam Mỹ, *Trường Sa mùa biển lặng* của Lương Ngọc An, *Tổ quốc hiện lên sau mỗi cánh buồm*, *Lời thề Trường Sa* của Nguyễn Văn Toàn, *Tổ quốc phía mặt trời của Hà Nguyên Huyền*, *Nằm lại với Hoàng Sa* của Phạm Dương...). Đúng như nhận xét của Trần Đăng Khoa, các nhà văn “bằng con chữ mong manh” đã góp phần “cắm thêm những cột mốc chủ quyền bằng văn chương cho quần đảo thiêng liêng, bất khả xâm phạm của chúng ta” [2].

Trong mảng ký viết về chiến tranh và người lính không thể không kể đến các tác phẩm nhật ký mà nhiều tác giả đã hy sinh ở chiến trường, ghi chép của họ được đồng đội hoặc những người phía bên kia chiến tuyến giữ gìn và trao trả, đã gây những xúc động lớn trong dư luận. Độc giả nhắc nhiều đến hai cuốn *Nhật ký Đặng Thùy Trâm* (Nhà xuất bản Hội Nhà văn, 2005) và *Mãi mãi tuổi hai mươi* của Nguyễn Văn Thạc (Nhà xuất bản Thanh niên, 2005) với số lượng in lên đến hàng trăm ngàn bản, trở thành những hiện tượng best selles của ngành xuất bản. Riêng *Nhật ký Đặng Thùy Trâm* đến tháng 01/2008 đã có số lượng in ra 450.000 bản, với 26 lần tái bản, được dịch ra nhiều thứ tiếng Anh, Hàn Quốc, Thái Lan... Sau 2 cuốn nhật ký này, hàng loạt nhật ký chiến tranh lần lượt ra đời, có thể kể đến: *Nhật ký Vũ Xuân*, *Đường về* (nhật ký của liệt sĩ Phan Thiết Kề), *Tài hoa ra trận* (nhật ký của liệt sĩ Hoàng Thượng Lâm), *Những tấm ảnh trở về* (nhật ký của liệt sĩ Nguyễn Văn Giá), *Nhật ký chiến tranh* (Trần Quốc Phong), *Nhật ký chiến tranh* (Trình Văn Vũ), *Nhật ký chiến trường* (của nhà văn - liệt sĩ Dương Thị Xuân Quý), *Nhật ký chiến tranh* (nhà văn - liệt sĩ Chu Cẩm Phong)... Bộ sách *Nhật ký thời chiến Việt Nam*, do nhà văn - cựu binh Đặng Vương Hưng làm chủ biên gồm 4 tập, mỗi tập dày hơn 1.000 trang, Nhà xuất bản Hội Nhà Văn phát hành, năm 2020. Bộ sách này thực hiện trong 16 năm, từ năm 2004 đến năm 2020, tập hợp 30 tác phẩm nhật ký của 30 tác giả, có người là lính chiến, có người là công an nhân dân vũ trang, có người là nhà văn - liệt sĩ hay nhà văn đi B... 2/3 số tác giả góp mặt trong bộ sách này đã ngã xuống ngoài chiến trường, hoặc bị thương hoặc vì di chứng chiến tranh đã mất sau khi trở về.

Bên cạnh nhật ký là những cuốn hồi ký chiến tranh mà tác giả có thể là các tướng lĩnh hoặc những người lính trở về từ cuộc chiến viết ra như “một món nợ tinh thần phải trả với đồng đội, với những người đã ngã xuống” (Võ Minh). Có thể kể đến: *Được sống và kể lại* của Trần Luân Tín, *Quảng Trị 1972 - hồi ức của một người lính* của Nguyễn Quang Vinh, *Có một thời như thế* của Võ Minh, *Lính bay* của Phạm Phú Thái, *Ký ức thời bình lữ* của Nguyễn Đăng San, *Ở R - chuyện kể sau 50 năm* của Lê Văn Thảo, *Hồi ức lính* của Vũ Công Chiến, *Ký ức chiến tranh* của Vương Khả Sơn.

Ngoài hiện thực của cuộc chiến tranh chống Mỹ, ký còn phản ánh kịp thời cuộc chiến tranh biên giới Tây Nam và chiến tranh biên giới phía Bắc. Có thể kể đến: *Đường vào Phnôm Pênh* (1979) của thiếu tướng Bùi Cát Vũ, *Từ biên giới Tây Nam đến đất Chùa Tháp* (2016, 2017, 2018) của Trần Ngọc Phú, *Mùa chinh chiến ấy* (2017) của Đoàn Tuấn, *Lính Hà* (2017) của Nguyễn Ngọc Tiên, *Về từ hành tinh kí ức* (2018) của Võ Diệu Thanh, *Mùa lính cầm* của Đoàn Tuấn (2019), *Chuyện lính Tây Nam* (2019) của Trung Sỹ, *Rừng khộp mùa thay lá* (2019) của Nguyễn Vũ Điền, *Đất K* (2020) của Bùi Quang Lâm, *Hồi ức chiến tranh Vị Xuyên* (2020) của Nguyễn Đức Huy, *Tiếng vọng đôi Khau Chĩa* (2023) của Nguyễn Thái Long.

2.1.2. Cái nhìn chân thực, đa diện về chiến tranh và số phận con người

Đặc điểm nổi bật của ký viết về chiến tranh trong văn xuôi sau 1975 là sức mạnh, sự cuốn hút của loại hình phi hư cấu, là cái nhìn chân thực, đa diện về chiến tranh và số phận con người. Đúng như nhận xét của Bùi Việt Thắng: “Văn học hư cấu vẫn là chủ đạo trong mọi thời đại. Nhưng hư cấu bất thành, nhợt nhạt thì văn học tư liệu lại “ròng ròng sự sống”, có tác dụng vượt trội (...). Trên văn đàn Việt Nam gần đây, văn chương tư liệu đang có xu hướng

lên ngôi” [5; tr.159,160]. Với độ lùi của thời gian và cái nhìn chiêm nghiệm, các tác giả có điều kiện tái hiện sâu sắc bộ mặt tàn bạo của chiến tranh, những hy sinh to lớn của người lính và người dân ở vùng chiến sự, về cái giá phải trả cho cuộc sống hòa bình hôm nay. Những cuốn nhật ký, hồi ký này “là những con chữ được viết bằng máu” [3; tr. 10] với “sức cuốn hút của hiện thực khốc liệt đã vượt ra ngoài chữ nghĩa, ra ngoài nhịp điệu văn xuôi” [1]. Những chuyển trào đèo, vượt dốc, vượt thác, vượt sông mà cái chết chỉ là trong gang tấc; những cơn sốt rét rừng hành hạ mà chỉ cần nằm xuống là “không bao giờ dậy được nữa”; những trận đói cồn cào “Mỗi bữa một lạng cơm nếp nắm lại chỉ to hơn quả trứng vịt (...), trong đầu lúc nào cũng chỉ nghĩ đến ăn” (*Có một thời như thế* - Võ Minh, *Hồi ức lính* - Vũ Công Chiến...). Và ám ảnh nhất là những cái chết của đồng đội diễn ra hàng ngày trước mắt mình: “Cứ 100 xe vận tải xuất phát từ Quảng Bình vào tới đây hoặc sâu hơn chút nữa, may ra chỉ còn lại vài chiếc”, “Trung đoàn chúng tôi vên vên còn chưa đầy 300 người, trên tổng số hơn 2.600 người lúc bắt đầu vượt Trường Sơn” (*Ký ức chiến tranh* - Vương Khả Sơn). “Hường ơi, Hường đã chết rồi sao? Mình nghe tin mà bàng hoàng như trong cơn ác mộng. Bao giờ cho hết những đau xót này?”; “Anh Dũng đã chết vì bị Mỹ bắt sống và giết tại chỗ. Đau xót biết chừng nào”; “Vĩnh biệt Khiêm, người bạn thân thương đã ngã xuống trên mảnh đất anh hùng”... (*Nhật ký Đặng Thùy Trâm*). “Quân số đại đội ngày đầu có 82 người, giờ còn lại không được 60 người”; “Đại đội tôi lại có thêm một người nữa hy sinh (...), 10 người bị thương”; “Đếm lại quân số trong ngày, lại thêm 4 người nữa hy sinh”. “Hong bị máy bay C130 nhào xuống bắn như vãi đạn. Anh bị một viên đạn xuyên qua bụng, ruột đổ ra ngoài, máu chảy ướt cả áo quần. Hong ngã xuống một lúc rồi tỉnh dậy, bình tĩnh lấy tay nhét ruột đang đổ ra ngoài vào trong bụng, lấy mũ tai bèo che kín vùng bị thương rồi chạy tiếp, nhưng chỉ được một bước thôi thì gục hẳn”; “Hai chùm lửa liên tiếp tóe ra tại một điểm, cùng với tiếng nổ “oàng”, “oàng” chói tai tại vị trí Thắng đang nhào nửa người trên mô đất sau bụi dừa dại. Xác anh và đất cát bay tung tóe trên cao. Một mảnh ống tay áo của Thắng bị cháy nham nhở, xé tung còn phát phơ trên ngọn tre” (*Có một thời như thế* - Võ Minh). “Toàn bộ tử sĩ bị chúng nó (quân Khmer Đỏ) dùng xẻng bộ binh băm nát mặt đến mức không nhận ra ai, rất thương tâm. Ba lô, quần áo cũ cũng bị rạch nát tứ tung” (*Chuyện lính Tây Nam* - Trung Sĩ).

Bên cạnh thể hiện hiện thực trực tiếp, khốc liệt của chiến trường, chiến tranh còn được quan tâm từ số phận con người, những bi kịch mà người lính phải trải qua, những góc khuất của lòng người mà chỉ có thể viết ra khi cuộc chiến đã đi qua. Đó không chỉ là cái chết, cái đói, những cơn sốt rét rừng, ốm đau, bị thương thiếu thuốc men, muối, vát hành hạ... mà còn là nỗi buồn khi phải xa gia đình, người thân; nỗi buồn vì “những chuyện nhỏ nhen”, “những chuyện đau đầu” trong nội bộ; là những dằn vặt sau những phút yếu đuối, nản lòng trên đường hành quân, trước giờ xung trận... Không dễ để giữ trọn vẹn niềm tin khi cuộc chiến tranh dường như không hẹn ngày kết thúc. Và người lính nhiều lúc đã đánh mất mình cũng là một dạng bi kịch khiến họ luôn day dứt mãi về sau. Nhỏ thì ăn trộm sắn, trộm gà của dân (*Có một thời như thế*), lấy bớt gạo, bớt muối của đồng đội (*Ký ức lính*). Và sai lầm lớn hơn, đó là tâm lý đầu hàng, nản chí, tình trạng đào ngũ. Vũ Công Chiến Trong *Hồi ức lính* đã viết khá chi tiết về những cuộc đào ngũ từ cá nhân đến đào ngũ tập thể ở chiến trường Tây Nguyên. Lý do thì có nhiều: có người vì không chịu nổi gian khổ, có người vì hèn nhát, sợ chết, có người vì sự đối xử bất công từ

cấp trên, và có cả chuyện bỏ trốn vì “tình yêu và trách nhiệm đối với người con gái mình yêu”... Trong *Lính Hà*, Vũ Ngọc Tiến cũng không ngần ngại kể về những chiến sĩ thị thành hào hoa, đàn hay hát giỏi nhưng cũng lắm tật xấu: nhiều lý sự, hay “tọt tạt tranh thủ”, vô kỷ luật, giờ “võ” để có miếng ăn, thuốc hút và đào ngũ, bỏ ngũ không phải là chuyện hiếm. Rồi những sai lầm, sơ suất của cấp trên trong nhận định tình hình địch, của lính tráng trong chuẩn bị, nguy trang trận địa, trong quản lý vũ khí. Có những cái chết thương tâm do tự sát, do bất cẩn khi hành quân hay vì sử dụng súng đạn (*Hồi ức lính, Ký ức chiến tranh, Mùa chinh chiến ấy*), có cái chết vì đồng đội bắn nhầm vào nhau (*Chuyện lính Tây Nam*). Nhiều tác phẩm ký còn lồng ghép chuyện quá khứ với hiện tại, quan tâm thể hiện bi kịch của người lính trở về sau chiến tranh giữa “thời hậu chiến ngổn ngang” (*Lính Hà, Có một thời như thế, Đừng kể tên tôi, Những trích đoạn của các anh – Phan Thúy Hà...*). Nhà văn Phan Thúy Hà đã bỏ năm năm trời tìm gặp, trò chuyện với các cựu chiến binh và bằng lối kể chuyện, phỏng vấn nhân chứng trực tiếp, Phan Thúy Hà làm người đọc ngỡ ngàng về những mất mát to lớn, những góc khuất của chiến tranh, những bi kịch éo le của người lính thời hậu chiến. Có người ra khỏi cuộc chiến với nhiều thương tật trên người, có người bị di chứng thần kinh nặng nề, có người bị địch bắt, bị tra tấn và trở về trong sự nghi ngờ, phân biệt... Rõ ràng trong các tác phẩm ký, hiện thực chiến tranh, số phận người lính được thể hiện trong cái nhìn chân thực, đa chiều, với tất cả những gì đau đớn nhất, nghiệt ngã nhất, bi hùng nhất.

2.1.3. *Vẻ đẹp của người lính cách mạng và chân dung tinh thần của một thế hệ thanh niên sẵn sàng hiến dâng tất cả cho Tổ quốc*

Nhiều tác phẩm ký viết về chiến tranh vừa có giá trị lịch sử, vừa chứa đựng những giá trị văn học, nhân văn sâu sắc. Thông qua những trang viết chân thực của người trong cuộc, người đọc nhận ra tiếng nói sâu sắc lên án chiến tranh của lương tri con người; tiếng lòng tha thiết với hòa bình, tự do, độc lập; những biểu hiện cao cả của tình yêu, tình người, những cảm xúc nhân văn sâu thẳm. Tác giả của nhiều cuốn nhật ký, hồi ký là những sinh viên, thanh niên trẻ tuổi, họ đi vào chiến trường với lý tưởng tuyệt đẹp, tâm hồn trong sáng và những ước mơ cháy bỏng. Tất cả những điều đó đã tạo nên cái tôi tác giả với vẻ đẹp lãng mạn cuốn hút, những trang viết đầy chất thơ bay bổng (*Mãi mãi tuổi hai mươi* của Nguyễn Văn Thạc, *Nhật ký Đặng Thùy Trâm, Lính Hà* của Vũ Ngọc Tiến, *Nhật ký chiến tranh* của Chu Cẩm Phong...). Chất thơ trước hết thể hiện ở vẻ đẹp của những người lính cách mạng, vẻ đẹp của một thế hệ sẵn sàng hiến dâng tất cả cho Tổ quốc. Họ đi vào cuộc chiến với tinh thần “Ước mơ bây giờ là đánh thắng Mỹ, là độc lập tự do của đất nước”, “Mẹ yêu ơi, nếu như con của mẹ có phải ngã xuống vì ngày mai thắng lợi thì mẹ khóc ít thôi mà hãy tự hào vì các con đã sống xứng đáng” (*Nhật ký Đặng Thùy Trâm*); “Ta biết dấu mặt vào đâu, vào gấu quần hay gấu áo, khi đường Trường Sơn không có dấu chân ta? Khi cả cuộc đời ta chưa có cái niềm vui mãnh liệt của người chiến thắng, cảm cờ Tổ quốc trên cả nước thân yêu” (*Mãi mãi tuổi hai mươi* - Nguyễn Văn Thạc). Bên cạnh đó là vẻ đẹp chiều sâu tâm hồn của những người lính. Giữa những ngày hành quân, giữa chiến trường ác liệt, người lính vẫn thổn thức nghĩ về một mái trường, những người thân yêu trong gia đình, những người bạn học, hình bóng một người bạn gái, tâm hồn

vẫn xao động với “những mùa lá vàng chìm ngập không gian”, “Những buổi sáng mai dịu mát và những đêm trăng êm ả giữa rừng”, những trang văn thơ của B. Polevoi, *N. Ôxtorôpxki*, Hoàng Nhuận Cầm (*Nhật ký Đặng Thùy Trâm*, *Mãi mãi tuổi hai mươi* của Nguyễn Văn Thạc, *Nhật ký chiến tranh* của Trình Văn Vũ, *Nhật ký chiến tranh* của Chu Cẩm Phong, *Tài hoa ra trận* của Hoàng Thượng Lân...). Nhiều chi tiết chọn lọc, đọc lên đã thấm đẫm chất nhân văn. Người chiến sĩ giải phóng giữa trận đánh ác liệt vẫn đau đớn khi nghe người lính phía Việt Nam cộng hòa bị thương, khóc rống lên “Má ơi, con chết mất thôi”. Lúc ấy “nghe tiếng kêu la não ruột đó, lòng tôi bỗng quặn lại, thương cảm cho một kiếp người, thương cảm cho tôi, cho đồng đội tôi và tất cả những người đang còn tham gia chiến trận” (*Có một thời như thế* - Võ Minh). Rồi câu chuyện một người lính tên Trọng - một tiểu đội trưởng kiên cường, giỏi giang, đã day dứt đến thất thần, “nấc lên, có vẻ khóc không thành lời” khi kể lại câu chuyện phải bỏ một tù binh yếu ớt và vô hại, từ đó đã khiến anh chấn thương tâm lý, không thể tiếp tục ở lại chiến trường (*Hồi ức lính* - Vũ Công Chiến).

Về nghệ thuật, điểm nổi bật nhất của ký sau 1975 viết về chiến tranh là sự chuyển đổi từ cảm hứng sử thi sang cảm hứng thế sự - đời tư. Nếu như ký giai đoạn 1954 -1975 như *Ký sự mặt trận* của Võ Trần Nhã, *Những người đang chiến đấu* của Lê Văn Thảo, *Chúng tôi ở Cồn Cỏ* của Hồ Phương, *Họ sống và chiến đấu* của Nguyễn Khải, *Ngôi sao trên đỉnh Phú Văn Lâu* của Hoàng Phủ Ngọc Tường,... đậm đà cảm hứng sử thi, một số tác phẩm ký viết ngay sau 1975 như *Tháng ba ở Tây Nguyên* của Nguyễn Khải, *Bắc Hải Vân xuân 1975* của Xuân Thiều, *ký sự Miền đất lửa* của Nguyễn Sinh - Vũ Kỳ Lân vẫn tiếp nối mạch cảm hứng sử thi thì nhiều tác phẩm ký từ 1986 trở đi như *Có một con đường mòn trên biển Đông* của Nguyễn Ngọc, *Có một thời như thế* của Võ Minh, *Hồi ức lính* của Vũ Công Chiến, *Chuyện lính Tây Nam* của Trung Sĩ,... đã chuyển dần sang cảm hứng thế sự - đời tư, cảm hứng chiêm nghiệm về thân phận con người. Ngoài ra ký viết về chiến tranh cũng có sự đa dạng, linh hoạt trong kết cấu, trong tổ chức trần thuật. Ngoài kiểu kết cấu theo thời gian tuyến tính vẫn chiếm ưu thế, còn có kiểu kết cấu đan xen giữa sự kiện và cảm xúc, có sự xáo trộn thời gian quá khứ và hiện tại (*Ở R - chuyện kể sau 50 năm*, *Có một thời như thế*, *Có một con đường mòn trên biển Đông*...). Về giọng điệu, cũng có sự kết hợp nhiều sắc thái: có trần thuật khách quan, trần trụi, có tha thiết trữ tình, có suy tư triết lý, có ngậm ngùi, xót xa... Câu chuyện chiến tranh đã đan xen với nhiều câu chuyện bề bộn, phức tạp của thời bình, những suy ngẫm về cái giá của chiến tranh, về những nỗi đau, mất mát... *Có một con đường mòn trên biển Đông* là cuộc truy tìm quá khứ, tự hào về những chiến công thầm lặng của đoàn quân tàu không số, đồng thời là nỗi niềm day dứt về sự lãng quên. *Hồi ức lính*, *Chuyện lính Tây Nam* không ngại phơi bày những hy sinh mất mát và cả những sai lầm, khuyết điểm của người lính cách mạng. *Đừng kể tên tôi*, *Những trích đoạn của các anh* là những sự thật cay đắng về hậu chiến, về những vết thương mà chiến tranh để lại... Cái tôi tự biểu hiện trong nhiều tác phẩm ký thể hiện chiều sâu mới về sự khám phá nội tâm con người, nội tâm người lính, đúng như nhận xét của Đoàn Tuấn - tác giả *Mùa lính cảm*: “Tôi nghĩ về người lính. Bề ngoài, ai cũng tưởng đơn giản. Đơn giản đến tận cùng. Uống chung ngụm nước. Đọc chung lá thư. Chui cùng căn hầm... Nhưng bên trong họ là những miền bí ẩn, là những chiều sâu thăm thẳm hơn đại dương, không ai và không bao giờ khám phá nổi” [5].

3. KẾT LUẬN

Nhìn trong chiều dài của lịch sử văn học dân tộc, chiến tranh luôn luôn là “dòng chảy bền bỉ”, là “ký ức không thể nào quên” của các nhà văn. Ký viết về chiến tranh và người lính trong thời gian gần đây dường như đang sống dậy, thu hút độc giả, được trân trọng đón nhận. Điều đó phản ánh một thực tế: các cuộc chiến tranh đã lùi dần vào dĩ vãng, nhưng nhiều thế hệ hôm nay vẫn không thể nào quên và không được phép lãng quên, vì đó “là những ngày tháng thiêng liêng, những tháng ngày cao đẹp nhất của dân tộc, của mỗi số phận con người”. Các tác phẩm trong đó còn chứa đựng “những giá trị nhân văn thăm thẳm của các thế hệ cha anh, đã không tiếc máu xương làm nên những chiến tích huy hoàng cho ngày hòa bình thơ thới hôm nay” [4].

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Thụy Kha, *Độc hồi ký lính trận*, <https://www.quansuvn.net/index.php?topic=20655.0> truy cập ngày 15/3/2011
- [2] Trần Đăng Khoa (2011), *Trường Sa, Hoàng Sa một đề tài lớn*, Tạp chí Nhà văn, số 7.
- [3] Chu Lai (2022), “Bài ca đau thương và tự hào về người lính”, trong sách *Võ Minh - Có một thời như thế*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội (tái bản lần thứ 8).
- [4] Thanh Thảo (2019), *Đau nhói “Mùa lính căm”*, <https://thanhnien.vn/dau-nhoi-mua-linh-cam-185869261.htm>, truy cập ngày 24/7/2019.
- [5] Bùi Việt Thắng (2018), *Thi pháp tiểu thuyết hiện đại*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội.

ESSAYS DEPICTING WAR AND SOLDIERS IN POST-1975 VIETNAMESE PROSE

Dinh Tri Dung, Hoang Van Thanh

ABSTRACT

In the landscape of post-1975 Vietnamese prose, the essay genre in general, and essays on the theme of war in particular, stand out with remarkable achievements, actively contributing to the innovative evolution of literary life. Essays are considered a "vanguard" genre of prose, notable for their topical relevance, close engagement with real-life realities, and their ability to directly convey the writer's emotions and reflections. This article aims to affirm and clarify the accomplishments, contributions, and distinctive features of war-themed essays and depictions of soldiers in post-1975 Vietnamese prose.

Keywords: Essays, war, soldiers, post-1975 prose.

* Ngày nộp bài: 06/01/2025; Ngày gửi phản biện: 11/01/2025; Ngày duyệt đăng: 15/06/2025